

CHỦ ĐỀ 9: NGOẠI HÌNH (APPEARANCE)

Quyến rũ, hấp dẫn



Attractive

Đẹp, xinh đẹp



Beautiful

Thân hình, vóc dáng cơ thể



Body shape

Thu hút, quyến rũ



Charming



Dễ thương,
đáng yêu



Cute

Béo, thừa cân



Fat

Đặc điểm



Feature

Cân đối, gọn
gàng



Fit

Sáng sủa, ưa
nhìn



Good-looking

Đẹp trai



Handsome

Chiều cao



Height

Vẻ bề ngoài



Look



Đáng yêu



Lovely

Cơ bắp, lực
lượng



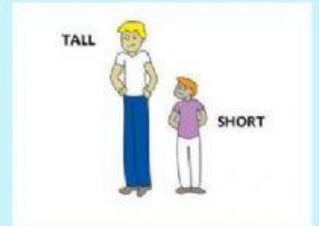
Muscular

Xinh xắn



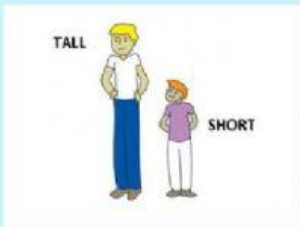
Pretty

Thấp



Short

Cao



Tall

Gầy



Thin

Xấu xí



Ugly

Cân nặng



Weight